

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 2 – GIA LAI,  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2026/DS-ST  
Ngày 06 - 4 - 2026  
Vụ tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Duy Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trương Thị Hiệp

2. Bà Châu Thị Lệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị Hồng H, sinh năm 1961 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Căn cước công dân số: 052161004296

Cư trú tại: Số F V, khu vực P, phường A, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Căn cước công dân số: 052169005507

Cư trú tại: Tổ dân phố P, phường A, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 10 năm 2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hà Thị Hồng H trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị H1 là hàng xóm nên vào ngày 31/12/2020 (dương lịch) bà H1 có đến nhà bà mượn số tiền 15.800.000đồng và hứa đến ngày 20/12/2020 (âm lịch) sẽ trả cho bà số tiền 5.145.000đồng, số tiền còn lại bà H1 hứa sẽ trả vào cuối tháng 02 năm 2021. Từ khi mượn đến nay, bà H1 chỉ trả cho bà số tiền 705.000đồng, mặc dù bà đã đòi nợ rất nhiều lần nhưng bà H1 không chịu trả số tiền còn lại cho bà.

Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu bà **H1** phải trả cho bà số tiền gốc đã vay là 15.800.000đồng, tuy nhiên sau khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì bà xác nhận lại là bà **H1** chỉ còn nợ bà số tiền 15.095.000đồng. Vì vậy, bà thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án buộc bà **Nguyễn Thị H1** trả cho bà số tiền 15.095.000đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bà cho bà **H1** mượn tiền để đóng bảo hiểm nhân thọ cho bà **H1**, không liên quan gì đến chồng của bà **H1**, nên bà chỉ khởi kiện yêu cầu bà **H1** trả nợ cho bà và số tiền bà cho bà **H1** mượn là tiền riêng của bà không liên quan gì đến chồng của bà.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị H1** đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà **H1** vắng mặt liên tục trong quá trình tố tụng nên không có bản tự khai và không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 15.095.000đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Gia Lai, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà **Hà Thị Hồng H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **Nguyễn Thị H1** phải trả lại số tiền gốc đã vay theo Giấy mượn tiền ngày 31/12/2020 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo phiếu xác minh ngày 02/12/2025 của **Công an phường A** thì bị đơn bà **Nguyễn Thị H1** có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại **tổ dân phố P, phường A, tỉnh Gia Lai** nên theo quy định tại Điều 35,

điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 của Quốc hội ngày 25/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hà Thị Hồng H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3.2] Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2025, bà Hà Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền 15.800.000đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc bà H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền là 15.095.000đồng. HĐXX thấy rằng việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[3.3] Ngoài ra, bà H khởi kiện yêu cầu bà H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà và xác định số tiền cho vay là của cá nhân bà, ông Đỗ Tấn T là chồng của bà H cũng có văn bản trình bày ý kiến với nội dung xác nhận tiền bà H cho bà H1 vay là tiền riêng của bà H, không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng. HĐXX xét thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự phù hợp theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chỉ nhận được các tài liệu, chứng cứ do bà Hà Thị Hồng H cung cấp, bị đơn bà Nguyễn Thị H1 không đến Tòa để tham gia tố tụng nên coi như đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình, do đó bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Hồng H về việc buộc bà Nguyễn Thị H1 phải trả tiền vay gốc còn lại là 15.095.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 31/12/2020. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo Giấy mượn tiền ngày 31/12/2020 có nội dung bà Nguyễn Thị H1 có mượn của bà Hà Thị Hồng H số tiền 15.800.000đồng và hẹn vào ngày 20/12/2020 âm lịch trả 5.145.000đồng, số tiền còn lại sẽ trả vào cuối tháng 02/2021 và có chữ ký của bà H1. Giấy mượn tiền ngày 31/12/2020 có nội dung, hình thức phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực đối với các bên. Đến hạn trả nợ nhưng bà H1 không thực hiện thỏa thuận mà chỉ trả cho nguyên đơn số tiền 705.000đồng, mặc dù nguyên đơn đã đòi nợ rất nhiều lần. Do đó, bà H khởi kiện đòi nợ bà H1 là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị Hồng H số tiền nợ gốc còn lại là 15.095.000đồng. Đối với tiền lãi nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà **Hà Thị Hồng H** là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xử lý tiền tạm ứng án phí. Bà **Nguyễn Thị H1** phải chịu 755.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.*

*Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ vào Điều 43, Điều 44, Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Hà Thị Hồng H**.

1. Buộc bà **Nguyễn Thị H1** có nghĩa vụ trả cho bà **Hà Thị Hồng H** số tiền nợ gốc là 15.095.000 đồng (Mười lăm triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà **Hà Thị Hồng H** là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không xử lý tiền tạm ứng án phí.

2.2. Bà **Nguyễn Thị H1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 755.000 đồng (Bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật

Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Phương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thành Nghĩa**

**Phạm Thị Tuyết Mai**

**Trần Thị Minh Hậu**

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- VKSND khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 2, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Minh Hậu**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thành Nghĩa**

**Phạm Thị Tuyết Mai**

**Trần Thị Minh Hậu**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Minh Hậu**